

## BÁO CÁO

### Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 16 tháng 4 năm 2024 đến ngày 15 tháng 5 năm 2024)

#### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

##### 1. Thời tiết

Thời tiết từ 16/4-01/5 phổ biến ngày trời nắng, không mưa (những ngày cuối tháng 4 đầu tháng 5 nắng nóng gay gắt), nhiệt độ TB 33-35<sup>0</sup>C, cao nhất 44<sup>0</sup>C, ẩm độ TB 70-75%; Từ 02-15/5 nhiệt độ giảm trong đó các ngày 02-04/5 có mưa dông lớn, những ngày còn lại trời nắng xen kẽ chiều tối có mưa nhỏ rải rác, nhiệt độ TB 29-30<sup>0</sup>C, cao nhất 44<sup>0</sup>C, ẩm độ TB 70-75%.

##### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

###### a) Cây lúa:

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Hè Thu 2024	Sớm	Gieo - 3 lá	1.500	
	Chính vụ	VSDR - gieo	5.860	
	Muộn	VSDR	0	
	Tổng		7.360	

###### b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây sắn	Phát triển thân lá, củ	11.000
- Cây ngô	Thu hoạch	3.500
- Cây lạc	Thu hoạch	3.000
- Cây công nghiệp:		
<i>Hồ tiêu</i>	Phát triển quả	2.153,6
<i>Cao su</i>	Khai thác	18.800,7
<i>Cà phê</i>	Phát triển quả	3.942,8

##### 3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Không

#### II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU TỪ 16/4/2024-15/5/2024

**1. Trên cây lúa:** Các đối tượng sâu, bệnh đầu vụ chủ yếu trên lúa vụ Hè Thu gồm: Chuột, ốc bươu vàng gây hại nhẹ trên một số diện tích lúa mới gieo ở Hải Lăng (Chuột DTN 5 ha, ốc bươu vàng DTN 8 ha); rầy các loại tồn tại trên gốc rạ, cỏ dại.

**3. Trên cây hồ tiêu:** Tuyến trùng DTN 203 ha (giảm 6 ha so với tháng trước, giảm 36 ha so với cùng kỳ năm trước); Bệnh thán thư DTN 135 ha (giảm 14 ha so với tháng trước, giảm 22 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết chậm DTN 142 ha (như tháng trước, giảm 8 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết nhanh DTN 18 ha (như tháng trước, giảm 5 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh đốm lá DTN 81 ha (giảm 8 ha so với tháng trước, giảm 16 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp sáp DTN 33 ha (tăng 12 ha so với tháng trước, giảm 32 ha so với cùng kỳ năm trước).

**4. Trên cây cà phê (Hương Hóa):** Bệnh rỉ sắt DTN 551 (giảm 144 ha so với tháng trước, tăng 111 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp DTN 180 ha (tăng 50 ha so với tháng trước, giảm 70 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh thán thư DTN 605 ha (giảm 60 ha so với tháng trước, tăng 35 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh khô cành DTN 785 ha (giảm 10 ha so với tháng trước, tăng 40 ha so với cùng kỳ năm trước).

**5. Trên cây cao su:** Bệnh xì mũ DTN 151 ha (tương đương tháng trước, tăng 26 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh loét sọc mặt cạo DTN 275 ha (như tháng trước, tăng 95 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh phấn trắng DTN 527 ha (giảm 105 ha so với tháng trước, tăng 12 ha so với cùng kỳ năm trước).

**6. Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus gây hại nhiều nơi, DTN 1.030 ha (tăng 130 ha so với tháng trước, tăng 931 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó nhiễm nặng 212 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 30-40%, cục bộ có nơi 70-80%.

### **III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

#### **1. Dự báo SVGH chủ yếu từ 16/5/2024-15/6/2024**

**1.1. Trên cây lúa:** Chuột, ốc bươu vàng tiếp tục gây hại trên lúa mới gieo; Rầy các loại, bệnh lùn sọc đen có thể phát sinh gây hại lúa giai đoạn mạ - đẻ nhánh; Tuyến trùng khả năng gây hại trên những chân ruộng cao, thiếu nước tưới, không làm đất kỹ. Sâu keo, bọ trĩ, dòi đục nõn có thể phát sinh gây hại một số vùng, chú ý trên những ruộng khô hạn, thiếu nước thường bị bọ trĩ hại nặng.

**1.2. Trên cây hồ tiêu:** Bệnh chết nhanh, chết chậm, thán thư, tuyến trùng... tiếp tục gây hại nhiều nơi trong đó bệnh chết chậm có thể hại nặng các vườn bị bệnh, vùng ô dịch.

**1.3. Trên cây cà phê:** Các đối tượng dịch hại như: Rệp các loại, bệnh thán thư, khô cành, bệnh gỉ sắt... tiếp tục gây hại, hại nặng trên các vườn cà phê già cỗi, không chú trọng công tác phòng trừ sâu bệnh.

**1.4. Trên cây cao su:** Bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo tiếp tục gây hại trên các vườn; bệnh phấn trắng DTN giảm dần do cao su đã bắt đầu ổn định lá và thời tiết không thuận lợi cho bệnh phát triển.

**1.5. Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus tiếp tục lây lan gây hại trên diện rộng; nhện đỏ, bọ phấn tiếp tục phát sinh gây hại nhiều nơi.

#### **2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong tháng tới**

## **2.1. Trên cây lúa**

- Khẩn trương vệ sinh đồng ruộng, làm đất kỹ kết hợp bón vôi, sử dụng các loại chế phẩm phân hủy gốc rạ để khử độc cho đất và tiêu diệt mầm mống sâu bệnh.

- Tăng cường diệt chuột và ốc bươu vàng để hạn chế chuột và ốc bươu vàng gây hại đầu vụ. Tiến hành xử lý hạt giống trước khi gieo bằng các loại thuốc như Cruiser plus,... để hạn chế rầy lưng trắng truyền bệnh lùn sọc đen trong giai đoạn đầu của cây lúa.

- Theo dõi chặt chẽ mật độ rầy, bệnh lùn sọc đen và các đối tượng sâu, bệnh khác để có biện pháp quản lý kịp thời.

Chú ý: Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đầu vụ cần ưu tiên các loại thuốc ít ảnh hưởng đến thiên địch và đảm bảo sử dụng thuốc theo nguyên tắc 4 đúng.

**2.2. Trên cây hồ tiêu:** Kiểm tra, xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng, rệp sáp, bệnh chết chậm, chết nhanh... Đối với bệnh chết nhanh cần thu gom tàn dư cây bị bệnh mang ra khỏi khu vực vườn và đốt tiêu hủy, xử lý đất tại các gốc tiêu bị bệnh bằng vôi bột, tăng cường sử dụng các loại chế phẩm sinh học để phòng bệnh.

Chú ý đảm bảo thời gian cách ly của các loại thuốc để đảm bảo an toàn cho nông sản.

**2.3. Trên cây cà phê:** Xử lý thuốc để phòng trừ sâu bệnh kết hợp bón phân chăm sóc, tăng cường phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh đảm bảo dinh dưỡng cho cây thời kỳ nuôi quả.

**2.4. Trên cây cao su:** Kiểm tra vườn thường xuyên, phát hiện và xử lý cây bị bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo. Tiến hành bôi thuốc trên miệng cạo và vết xì mũ bằng các loại thuốc đặc hiệu để tránh lây lan nhiều nơi.

**2.5. Trên cây sắn:** Điều tra, khoanh vùng bị nhiễm bệnh khảm lá virus, tập trung diệt trừ bộ phận môi giới không để lây lan ra diện rộng. Tăng cường bón phân và phun phân bón lá để tạo điều kiện cho cây phát triển. Phun thuốc trừ nhện đỏ những nơi mật độ, tỷ lệ hại cao. Điều tra theo dõi các đối tượng sâu, bệnh khác như rệp sáp bột hồng, bệnh chổi rồng... để có biện pháp xử lý kịp thời./.

### **Nơi nhận:**

- Trung tâm BVTV vùng khu 4 (B/c);
- Sở NN & PTNT Q Trị (B/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, thành phố, thị xã;
- Trạm TT&BVTV các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Trần Minh Tuấn**

**TỔNG HỢP ĐIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG THÁNG**

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
I	Cây lúa (Làm đất – gieo – 3 lá)													
1	Chuột	5-7				5	5	0	0	0	+5	+5	15	H. Lãng
2	Ốc brou vàng	2-4				8	8	0	0	0	+8	+8	8	
II	Cây ngô (Rrở cò, phun râu - PT bắp - thu hoạch)													
1	Sâu keo mùa thu	1-4	5-6		1-5	25	20	5	0	0	+2	-48	0	C. Lộ, Đakrông
III	Cây Hồ tiêu (PT quả)													
1	Chết chậm	5-10	15-20		1-3	142	125	17	0	0	+5	-16	10	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
2	Chết nhanh	5-10			1	19	17	2	0	0	-4	-4	0	V.Linh, G.Linh
3	Tuyến trùng	5-10	15-20		1	209	182	25	2	0	-20	-50	30	Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, H. Hóa
4	Thán thư	3-5	15-20		1-3	149	129	20	0	0	0	-26	12	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
5	Đốm lá	5-10	15-20		3	89	73	16	0	0	0	-6	0	C. Lộ, G. Linh, H. Hóa
6	Rệp sáp	5-10	15		1-2	21	15	6	0	0	+5	-24	10	Hướng Hóa
IV	Cây cà phê (Ra hoa - đậu quả)													
1	Khô cành	10-15	60		1-2	795	505	200	90	0	0	+60	0	Hướng Hóa
2	Thán thư	15-20	50		1-3	665	380	195	90	0	-10	+105	50	
3	Rệp	5-10	25		1-2	130	85	35	10	0	+60	-65	0	
4	Rỉ sắt	10-30	70		1-3	695	410	215	70	0	-73	-45	50	
V	Cây cao su (Ra lá mới)													
1	Loét sọc mặt cạo	5-10	30		1-2		275	232	38	5	-21	+73	20	C. Lộ, G.Linh, V. Linh
2	Xì mủ	5-10	15		1-2		148	131	17	0	-8	+7	15	Tr. Phong, C. Lộ, G.Linh, V. Linh

3	Phần trắng	10-15	20-30				632	527	105	0	+272	-833	0	C. Lộ, G. Linh, V. Linh
VI	Cây sắn (Phát triển thân lá)													
1	Khảm lá virus	5-10	30-40	70-80			900	325	385	190	+205	+801	0	H. Lãng, TX. Quảng Trị, Tr. Phong, C. lộ, G. Linh, V. Linh, Đakrông